TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11- 01- 2023
V/v: "*Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Hải
2. Ông Hà Văn Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa: Bà Nhữ Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 117/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 về việc: "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 46/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H ; Sinh năm 1973 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn G , xã Đ T , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Hoàng Cao S , sinh năm 1970 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn G , xã Đ T , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

-Anh Hoàng Cao H ; sinh năm 1998 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn G , xã Đ T , huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

-Ông Lê Viết C , sinh năm 1966 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn G , xã Đ T , huyện B T, tỉnh Thanh Hóa..

-Ông Tào Xuân T , sinh năm 1966 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn G , xã Đ T , huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng: Chị Hoàng Thị H , sinh năm 1996 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn G , xã Đ T , huyện B T, tỉnh Thanh Hóa..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị H và anh S tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau năm 1995 nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn. Sau khi lấy nhau được một thời gian ngắn thì anh S thường xuyên gây sự, kiếm chuyện đánh chửi chị H . Chị H đã nhẫn nhịn chịu đựng nuôi các con khôn lớn nhưng anh S ngày một quá đáng, chị H cảm thấy không được tôn trọng. Do anh S vô cớ chửi bới xúc phạm, lăng mạ, đánh đập chị H nên chị H không thể chịu đựng, nhẫn nhịn thêm khi bản thân chị bị tổn thương và không còn tình cảm với anh S

Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào khoảng tháng 6 năm 2022 anh S đánh chị H phải nhập viện từ ngày 07/6/2022 đến 13/6/2022 kết luận chuẩn đoán chị H bị: tổn thương nông do tác động đầu và cổ (td chấn thương sợ não). Nhưng anh S cũng không quan tâm hỏi han gì nên chị thấy không còn tình nghĩa gì và làm đơn thiết tha xin ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung là cháu Hoàng Thị H , sinh ngày 01/6/1996 (đã có gia đình riêng) và cháu Hoàng Cao H , sinh ngày 17/10/1998.

-Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H va anh Hòang Cao S có 01 mảnh đất đã bán được 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng) chị Hảo quản lý 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền đặt cọc còn khi giao tiền anh S giữ 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng).

Kết quả thẩm định, định giá tài sản (BL: 45,46) đã tiến hành định giá các tài sản anh chị đang quản lý gồm:

-01 nhà cấp bốn (nhà ống), tường xây 220, mái hiên đổ bê tông, lợp ngói, nền lát gạch men, Diện tích sử dụng (8,7 x7,1)m = 61,77m2 nhà làm năm 1998, sát lại áo tường và lăn sơn lại năm 2017. Giá trị còn lại sau khi trừ khấu hao là 98.800.000đ (Chín mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng);

-01bán bình phía Đông nhà chính (lợp pluximăng) kích thước (8,4 x7,1)m =59,64m2. Giá trị còn lại 10.900.000đ (Mười triệu chín trăm nghìn đồng);

-01 sân gạch đỏ trị giá còn lại 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng);

- Cổng sắt kích thước (3,3 x2,5)m = 8,25m2 trị giá còn lại 50% giá trị so với làm mới. Sau khi trừ khấu hao là 2.887.500đ (Hai triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Tường rào xây năm 2002 tổng chiều dài 105 m, cao 1,25 m, xây bằng gạch giá trị còn 50% là (129.000đ/m2 : 2) x 105 m = 6.772.000đ (Sáu triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng);

Nhà chính, bán bình và sân gạch và cổng sắt (cổng chính) nằm trên phần diện tích đất là 743,3m2 có tứ cận như sau:

+.Hướng Bắc giáp đường dân sinh dài 23m

+. Hướng Nam phía trước nhà chính giáp đường dân sinh dài 20,4m

+. Hướng Đông giáp phần đất nhà ông Hà Văn T dài 33,4m (6,7+26,7)m,

+. Hướng Tây giáp phần đất của khu nhà ngang và các công trình khác dài 36,9m.

Tường rào trên khuôn viên bao nhà chính đất dài 105m - 66,8m =38,2m

trị giá (129.000đ/m2: 2) x 38,2 m =2.463.900đ (Hai triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm đồng);

-01 nhà ngang ngoảnh mặt hướng Đông, tường xây 220 lợp ngói diện tích sử dụng (5,15 x3,9)m =20,085m2 gía trị còn lại 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

- 01 bếp tiếp giáp nhà ngang kích thước (2,8 x 3,45)m =9,66m2 giá trị còn lại 870.000đ (Tám trăm bảy mươi nghìn đồng);

-01 nhà tắm tiếp giáp bếp xây tường 110, đổ bằng kích thước 1,8 x1,8) giá trị 3,24m2 giá trị còn lại 1.500.000đ (Một triệu trăm trăm nghìn đồng)

- Chuồng gà sau bếp kích thước (4,2 x2,6) m giá trị còn lại 740.000đ (Bảy trăm bốn mươi nghìn đồng);

- Chuồng trâu tường xây 220, mái lợp tôn kích thước 4,6 x7,15)m =32,89m2 giá trị còn lại là 12.290.000đ (Mười hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng),

Tòan bộ công trình nhà ngang, bếp, nhà tắm, khu chuồng trại toạ trên phần đất có diện tích 586,5m2 có tứ cận như sau;

+.Hướng Bắc giáp đường dân sinh dài 19,1m

+. Hướng Nam phía trước cổng chính giáp đường dân sinh dài 13,1m

+. Hướng Đông giáp phần đất nhà chính tọa lạc dài 36m,

+. Hướng Tây giáp đường dân sinh dài 39,2m.

Tường rào bao quanh khu nhà ngang và chuồng trại dài 66,8m trị giá là:

66,8m x (129.000đ/m2 : 2) = 4.308.600đ (Bốn triệu ba trăm linh tám nghìn sáu trăm đồng).

Các tài sản sinh hoạt khác gồm;

-01 tivi sony 55in mua năm 2019 giá trị còn lại 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng);

-02 loa thùng hiệu Audio HTOV mua năm 2019 giá trị còn lại 2.600.000đ (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng);

-01 kệ để ti vi gỗ mun mua năm 2019 giá trị còn lại 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng);

-01 bộ máy làm mộc không còn sử dụng tính giá sắt vụn là 3.000.000đ (Ba triệu đồng);

-02 cây gỗ lát (Nằm phía Nam); (01cây gỗ lát vanh100cm, 01 cây gỗ lát vanh 140cm) tổng là 1,13m3 trị giá 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm nghìn đồng);

-04 cây gỗ xưa 05 năm tuổi nằm phía tường rào phía Tây về phía nhà ngang, 01 cây gỗ xưa 05 năm nằm phía nam chị Hảo và anh Sáng thống nhất trên phần đất giao cho ai thì người đó sở hữu và đề nghị không định giá.

-Vật nuôi gồm 03 con trâu (02 con trâu đực hai năm tuổi và 01 con trâu mẹ) trị giá 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng);

Hiện nay hộ gia đình gồm 03(ba) người Hoàng Cao S , Nguyễn Thị H và Hoàng Cao H đang sinh hoạt sống chung trên khu đất này. Đất vẫn đang là đất nông nghiệp có giá 30.000đ/m2. Toàn bộ khuôn viên đất được xây tường rào ngăn cách với các hộ liền kề, nằm trong khu vực dân cư. Theo bản đồ và và sổ mục kê, sổ địa chính là đất ONT(đất ở nông thôn) đủ điều kiện làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng phải đóng thuế sử dụng đất.

Nguyên đơn chị H trình bày không có nợ chung: Khi ly hôn có nguyện vọng chia đôi giá trị tài sản của vợ chồng tạo dựng sau khi lấy nhau, chị H có nguyện vọng sở hữu nhà chính và sử dụng phần diện tích đất khu nhà chính và đề nghị chia cả phần đất cho cháu Hoàng Cao H .

Bị đơn anh Hoàng Cao S g trình bày: Về hôn nhân tự nguyện lấy nhau như chị H trình bày là đúng. Vợ chồng mâu thuẫn do chị H hay cùng các bà trong xóm tụ tập hát hò nên anh S thấy khó chịu có can ngăn nhưng chị Hảo không nghe. Vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay, chị H cương quyết ly hôn, anh S cũng thấy không hợp nữa nên đồng ý.

Về tài sản chung anh S đồng ý với kết quả định giá. Anh S công nhận vợ chồng anh bán đất được 900.000.000đ hiện nay anh S quản lý 800.000.000đ và chị H quản lý 100.000.000đ. Khi ly hôn anh S có nguyện vọng ở nhà chính.

Anh S trình bày có 02 khoản nợ gồm: Nợ ông Lê Viết C 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), do anh S nhận làm gỗ cho nhà anh C nên ứng tiền của anh C để mua gỗ. Sau đó anh S không làm gỗ cho anh C theo Hợp đồng nên nợ

anh C 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Ngoài ra anh S còn ứng tiền làm gỗ nhà anh Tào Xuân T 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), anh S cũng không làm gỗ cho anh T . Quá trình hòa giải đối chất anh Hoàng Cao S thừa nhận việc anh S ứng tiền và làm giấy vay tiền với anh Tào Xuân T 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) và Lê Viết C 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) chị H không biết. Anh S sử dụng số tiền đó vào việc riêng không dùng vào mục đích chung gia đình. Ngày 18/6/2022 anh S đã trả đủ cho anh C và anh T . Hiện nay anh Sáng không còn nợ tiền của anh Tùng và anh Cường (BL60; 61).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

-Anh Hoàng Văn H ; sinh năm 1998 là con chung của anh S và chị H trình bày: Anh H có nguyện vọng được chia một phần đất để ở và muốn ở gần mẹ vì mẹ thường hay ốm đau, không có khả năng làm nhà mới cho mẹ. Đất hộ gia đình hiện nay đang là đất nông nghiệp chưa làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng. Anh H cũng là thành viên trong gia đình nên đề nghị được chia một phần đất trong khuôn viên đất của gia đình và có trách nhiệm làm việc với cơ quan chức năng để chuyển mục đích sử dụng. Quá trình bố mẹ làm nhà và tạo dựng các tài sản trên đất anh H không có công sức đóng góp nên không đề nghị gì.

-Anh Lê Viết C trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải: Khoảng tháng 5 năm 2021 anh S ứng tiền của anh C 150.000.000đ và tháng 11 năm 2021 ứng 100.000.000đ. Tổng là 250.000.000đ nhưng không làm được gỗ cho nhà anh Cường. Ngày 18/6/2022 anh S đã trả đủ cho anh C 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Nay anh S không còn nợ anh C . Việc anh S ứng tiền của anh C và lúc trả tiền cho anh C chỉ có anh Sáng với anh C chị H không tham gia.

Anh Tào Xuân T trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải: Vào tháng 11 năm 2020 anh S ứng của anh T 150.000.000đ và đến 25/2/2021 anh S ứng tiếp 120.000.000đ nhưng sau đó không làm gỗ cho anh T và ngày 18/6/2022 anh S đã trả đủ cho anh T 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Nay anh S không còn nợ anh T nữa. Việc ứng tiền giữa anh S và anh T chị H không tham gia.

Biên bản lấy lời khai người làm chứng: Chị Hoàng Thị H , sinh năm 1996 là con đẻ của chị Nguyễn Thị H và anh Hòang Cao S trình bày chị H khi đi lấy chồng đã được bố mẹ cho 01 sào đất nông nghiệp. Nay bố mẹ ly hôn toàn bộ khuân viên nhà ở đang nằm trên phần đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và chưa chuyển đổi mục đích sử dụng đang là đất nông nghiệp chị H không có ý kiến gì. Tài sản của bố mẹ chị H không có công sức. Đề nghị Tòa án chia đất cho bố mẹ và cả anh Hoàng Cao H vì anh H cũng có phần trong đất của hộ gia đình.

Tại công văn số: 05/BC-UBND gày 10/10/2023 UBND xã Điền Trung, huyện Bá Thước cho biết: Khu đất nhà chị Nguyễn Thị H và anh Hòang Cao S hiện nay đang ở ổn định, ranh giới rõ ràng không tranh chấp với các hộ liền kề. Kiểm tra sổ mục kê quyển số 01, tại trang số 157, thửa đất số 410 tờ bản đồ số 15

xã Điền Trung: Khu đất nhà chị Nguyễn Thị H và anh Hòang Cao S đang thuộc đất ONT (đất ở nông thôn). Thuộc khu dân cư thôn Giát, xã Điền Trung, huyện Bá Thước được quy hoạch đất ở nông thôn.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, về tài sản chị H có nguyện vọng sở hữu khu nhà chính, bán bình phía đông nhà chính, sân gạch, cổng chính và tường rào bao quan trên khu đất nhà chính và đề nghị Tòa án cân đối giá trị tài sản để phân chia đảm bảo quyền lợi cho cả hai bên. Vợ chồng không có nợ chung. Việc anh Sáng có ứng tiền của anh C và anh T hay không chị H không biết. Cho dù anh S ứng tiền làm gỗ của anh C và anh T thật mà không làm nhà cho họ thì có trách nhiệm trả lại tiền chứ không liên quan đến chị H và tài sản gia đình. Thời điểm bán đất giao tiền tại UBND xã Điền Trung thì vợ chồng không có nợ nần ai cả. Hơn nữa anh S nghỉ làm thợ mộc từ năm 2020 đến nay, chẳng qua anh S nhờ người đứng ra giả làm giấy để mục đích tẩu tán tiền bán đất, chị H không chấp nhận đề nghị Tòa án xem xét đảm bảo quyền lợi cho chị H .

Chị H có nguyện vọng sở hữu bằng hiện vật các tài sản chung gồm: 01 ti vi sony 55in mua năm 2019 giá trị còn lại 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng);

-02 loa thùng hiệu Audio HTOV mua năm 2019 giá trị còn lại 2.600.000đ (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng);

-01 kệ để ti vi gỗ mun mua năm 2019 giá trị còn lại 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng);

Tại phiên tòa bị đơn: Anh Hoàng Cao S đồng ý ly hôn. Anh S trình bày anh nghỉ làm thợ từ năm 2020 hiện nay làm nghề chăn nuôi. Anh S cũng có nguyện vọng hữu hữu bằng hiện vật khu nhà chính và đồng ý để chị Hảo sở hữu bằng hiện vật các tài sản sinh hoạt gồm: Ti vi, loa và kệ để tivi.

Anh S trình bày tình tiết mới: Trước khi anh lấy chị H gia đình anh có làm nhà 03 gian tại khu đất trong làng (nơi khác). Sau khi anh Sáng lấy chị H và ra ở khu đất hiện tại. Vợ chồng làm xong nhà chính hiện nay đang ở thì giỡ nhà cũ (khu đất trong lang) mang lốt gỗ về làm nhà ngang hiện nay vợ chồng đang quản lý sử dụng, nên nhà ngang là có tài sản riêng của anh S tạo dựng nên. Khu đất có trước khi cưới anh đang quản lý. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa chị H công nhận lốt gỗ nhà ngang được lấy gỗ từ nhà cũ Nhà của anh S có trước khi cưới mang về làm). Hiện nay khu nhà đó đã giỡ và đất anh S đang quản lý chị H không yêu cầu giải quyết đất có trước khi cưới (là tài sản của anh S) trong vụ án này.

Chị Hảo đề nghị chia cho cháu Hoàng Cao H 01 phần đất trong khuôn viên nhà ở vì đây là đất hộ gia đình chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đất ở cháu Hào cũng là thành viên của hộ gia đình.

Tại phiên tòa cháu Hoàng Thị H trình bày không có công sức trong việc tạo dựng khối tài sản chung của bố mẹ là Nguyễn Thị H và Hoàng Cao S nên không có ý kiến gì về tài sản chung của bố mẹ. Về đất nông nghiệp khi lấy chồng chị H đã được bố mẹ cho 01 sào ruộng nay chị không yêu cầu gì khác.

Phần đất nông nghiệp trồng lúa và màu trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS.Về nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cuả chị Nguyễn Thị H . Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Hoàng Cao S . Về tài sản chung đề nghị chia đôi giá trị và giao chênh lệch cho các đương sự. Nợ chung không có.

Đề nghị HĐXX xem xét. Giao cho anh S sở hữu nhà ngang (tạo dựng từ tài sản riêng của anh S) và công trình kiến trúc trên đất, bếp, nhà tắm khu chuồng trại), cây trồng trên đất và cân đối giá trị chênh lệch chia tài sản để buộc anh S giao lại giá trị chênh lệch cho chị H . Giao cho chị H sở hữu khu nhà chính và bán bình phía Đông khu nhà chính, sân gạch và cổng chính.

Có xem xét và tạm giao cho anh Hòang Cao H một phần đất phía Đông không có công trình kiến trúc kiên cố để tạo lập chỗ ở.

Tạm giao phần đất thuộc quy hoạch khu dân cư cho các đương sự và các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nộp tiền thuế đất cho Nhà nước theo quy định.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 và các đương sự phải chịu án phí có giá ngạch của giá trị tài sản được hưởng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Đây là vụ án "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của BLTTDS.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Cao S tự nguyện đăng ký kết hôn nên hôn nhân hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân: Mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Cao S đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Các đương sự đều xét thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Hảo ly hôn anh Hoàng Cao Sáng.

Về con chung: Đã thành niên; Con riêng: Không có

[3] Về tài sản: HĐXX căn cứ Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.1] Tài sản riêng: Tại phiên tòa chị H và anh S đều công nhận nhà ngang có sử dụng lốt gỗ và vật liệu tạo dựng nên nhà ngang từ tài sản có trước hôn nhân của anh S giá trị sử dụng nhà ngang còn lại là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). HĐXX nhận định tài sản riêng của anh S là nhà ngang giá trị sử dụng còn lại là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và thuộc quyền sở hữu của anh S .

[3.2].*Về tài sản chung:*

Chị H và anh S đều đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận từ trước khi hòa giải về việc chị H được quyền sở hữu 01 con trâu chị H đã bán được 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) chị H đã quản lý tiền. Anh Hòang Cao S có quyền sở hữu 02 con trâu trị giá 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) hiện nay anh S đang quản lý. Phần tài sản đề nghị Tòa án ghi nhận, các đương sự không phải chịu án phí.

Khối tài sản chung các đương sự tranh chấp đề nghị Tòa án phân chia trị giá: gồm:

-01 nhà cấp bốn (nhà chính) giá trị còn lại sau khi trừ khẩu hao là 98.800.000đ (Chín mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng);

-01 bán bình phía Đông nhà chính (lợppluximăng) kích thước (8,4 x7,1)m =59,64m2. Giá trị còn lại 10.900.000đ (Mười triệu chín trăm nghìn đồng);

-01 sân gạch đỏ trị giá còn lại 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng);

- Cổng sắt kích thước (3,3 x2,5)m = 8,25m2 trị giá còn lại 50% giá trị so với làm mới. Sau khi trừ khấu hao giá trị còn lại là 2.887.500đ (Hai triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Tường rào xây năm 2002 tổng chiều dài 105 m, cao 1,25 m, xây bằng gạch giá trị còn 50% là (129.000đ/m2 : 2) x 105 m = 6.772.000đ (Sáu triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng);

-01 nhà ngang ngoảnh mặt hướng Đông, tường xây 220 lợp ngói diện tích sử dụng (5,15 x3,9)m =20,085m2 giá trị làm mới trừ khấu hao gía trị còn lại 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

- 01 bếp tiếp giáp nhà ngang kích thước (2,8 x3,45)m =9,66m2 giá trị còn lại 870.000đ (Tám trăm bảy mươi nghìn đồng);

-01 nhà tắm tiếp giáp bếp xây tường 110, đổ bằng kích thước 1,8 x1,8) giá trị 3,24m2 giá trị còn lại 1.500.000đ (Một triệu trăm trăm ngìn đồng);

- Chuồng gà sau bếp kích thước (4,2 x2,6) m giá trị còn lại 740.000đ (Bảy trăm bốn mươi nghìn đồng);

- Chuồng trâu tường xây 220, mái lợp tôn kích thước 4,6 x7,15)m =32,89m2 giá trị còn lại là 12.290.000đ (Mười hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng),

Các tài sản sinh hoạt khác gồm;

-01 tivi sony 55in mua năm 2019 giá trị còn lại 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng);

-02 loa thùng hiệu Audio HTOV mua năm 2019 giá trị còn lại 2.600.000đ (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng);

-01 kệ để ti vi gỗ mun mua năm 2019 giá trị còn lại 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng);

-01 bộ máy làm mộc không còn sử dụng tính giá sắt vụn là 3.000.000đ (Ba triệu đồng);

-02 cây gỗ lát (Nằm phía Nam); (01 cây gỗ lát vanh100cm, 01 cây gỗ lát vanh 140cm) tổng là 1,13m3 trị giá 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm nghìn đồng);

HĐXX xét thấy nhà ngang là tài sản riêng của anh S trị giá 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Nghề nghiệp anh Sáng hiện nay là chăn nuôi. Anh Sáng đang quản lý chăn nuôi 02 con trâu.

HĐXX giao cho anh Hoàng Cao S sở hữu khu nhà ngang, bếp, nhà tắm, chuồng gà, chuồng trâu. Công trình kiến trúc cùng khu nhà ngang trị giá 19.708.600đ (Mười chín triệu bảy trăm linh tám nghìn sáu trăm đồng). Và tạm giao cho anh S sử dụng diện tích đất 586,5m2 (có sơ đồ kèm theo) trị giá 17.595.000đ (Mười bảy triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng). 02 cây gỗ lát trị giá 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm nghìn đồng) và 01 bộ máy làm mộc cũ giá sắt vụn là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), 05 cây gỗ xưa (5 năm tuổi không định giá). Tiền bán đất anh S đang quản lý tiền mặt là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng).

Giá trị tài sản chung anh S sở hữu bằng hiện vật bằng 44.403.600đ (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm linh ba nghìn sáu trăm đồng) gồm: 26.808.600đ (công trình kiến trúc trên đất), giá trị quyền sử dụng đất là 17.595.000đ (Mười bảy triệu

năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và anh S đang quản lý 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) tiền mặt. Tổng giá trị tài sản, quyền sử dụng đất và tiền mặt anh S có quyền sở hữu là 844.403.600đ (Tám trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm linh ba nghìn sáu trăm đồng).

Tạm giao cho anh Hoàng Cao S có quyền sử diện tích 586,5m2 đất trị giá 17.595.000đ (Mười bảy triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Tòan bộ công trình nhà ngang, bếp, nhà tắm, khu chuồng trại toạ trên phần đất diện tích 586,5m2 thuộc quyền sử dụng của anh S có tứ cận như sau;

+.Hướng Bắc giáp đường dân sinh dài 19,1m

+. Hướng Nam phía trước cổng chính giáp đường dân sinh dài 13,1m

+. Hướng Đông giáp phần đất nhà chính tọa lạc dài 36m,

+. Hướng Tây giáp đường dân sinh dài 39,2m.

Tường rào bao quanh khu nhà ngang và chuồng trại dài 66,8m

HĐXX giao cho chị Nguyễn Thị H Sở hữu 01 nhà chính (cấp bốn) trị giá 98.800.000đ, bán bình phía đông nhà chính trị giá 10.900.000đ, sân gạch đỏ trị giá 2.700.000đ, cổng sắt trị giá 2.887.000đ, tường rào quanh khu nhà chính trị giá 2.463.900 đ, tài sản sinh hoạt trị giá 9.400.000đ (gồm: ti vi, loa và kệ ti vi). Tổng giá trị tài sản kiên cố và tài sản sinh hoạt chị H sở hữu bằng hiện vật là 127.150.900đ (Một trăm hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn chín trăm đồng) và tạm giao quyền sử dụng đất là 542,9m2 trị giá 16.287.000đ (Mười sáu triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Chị H quản lý 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền đặt cọc khi bán đất. Tổng giá trị tài sản, giá trị quyền sử dụng đất và tiền mặt chị H có quyền sở hữu là 243.437.900đ (Hai trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm đồng).

Toàn bộ công trình kiến trúc kiên cố chị Hảo có quyền sở hữu tọa trên phần đất 542,9m2 thuộc quyền sử dụng của chị Hảo có tứ cận như sau;

+.Hướng Bắc giáp đường dân sinh dài 17 m

+. Hướng Nam phía trước nhà chính giáp đường dân sinh dài 14,4m

+. Hướng Đông giáp phần đất tạm giao cho anh Hoàng Cao H dài 33,4m

+. Hướng Tây giáp phần đất của khu nhà nganh và các công trình khác dài 36,0m.

Tường rào trên khuôn viên bao nhà chính đất dài 105m - 66,8m =38,2m

trị giá (129.000đ/m2 : 2) x 38,2 m =2.463.900đ (Hai triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm đồng);

Hộ gia đình có 03 người gồm chị Nguyễn Thị H , anh Hòang Cao S và cháu Hoàng Cao H . Khu đất nhà chị Nguyễn Thị H và anh Hòang Cao S hiện nay đang

ở ổn định, ranh giới rõ ràng không tranh chấp với các hộ liền kề. Kiểm tra sổ mục kê quyển số 01, tại trang số 157, thửa đất số 410 tờ bản đồ số 15 xã Điền Trung: Khu đất nhà chị Nguyễn Thị H và anh Hòang Cao S thuộc đất ONT (đất ở nông thôn). Thuộc khu dân cư thôn Giát, xã Điền Trung, huyện Bá Thước được quy hoạch đất ở nông thôn. Các đương sự làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải nộp tiền thuế đất theo quy định.

Bản tự khai anh Hòang Cao H trình bày không có công sức trong việc tạo dựng khối tài sản của bố mẹ, nhưng có nguyện vọng được chia một phần đất ở là có cơ sở được chấp nhận. HĐXX tạm giao cho anh Hoàng Cao H quyền sử dụng 200,4m2 trị giá 6.012.000đ (Sáu triệu không trăm mười hai nghìn đồng) đất thuộc phía Đông khu nhà chính và có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng làm thủ tục cấp GCNQDSĐ và nộp thuế theo quy định.

Khu đất tạm giao cho anh Hoàng Cao H có quyền sử dụng là phần đất không có tài sản kiên cố phía Đông khu nhà chính có Tứ cận như sau;

+.Hướng Bắc giáp đường dân sinh dài 6 m

+. Hướng Nam phía trước nhà chính giáp đường dân sinh dài 6m

+. Hướng Đông giáp phần đất nhà anh Hà Văn Thủy dài 33,4m (6,7+26,7)m,

+. Hướng Tây giáp phần đất tạm giao cho chị Nguyễn Thị H dài 33,4m

Tường rào trên khuôn viên bao nhà chính đất dài 12m trị giá (129.000đ/m2 : 2) x 12m =774.000đ (Bảy trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

Như vậy tổng giá trị tài sản chung sau khi trừ một phần đất tạm giao cho anh Hoàng Cao H trị giá 6.012.000đ (Sáu triệu không trăm mười hai nghìn đồng) còn lại là 844.403.600đ +243.437.900đ = 1.087.841.500đ (Một tỉ không trăm tám mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm đồng).

Anh S đang quản lý và có quyền sở hữu tài sản trị giá 844.403.600đ (Tám trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm linh ba nghìn sáu trăm đồng). Chị Nguyễn Thị H đang quản lý và có quyền sở hữu tài sản trị giá 243.437.900đ (Hai trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm đồng).

Chia cho anh S nhiều hơn chị Hảo 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) để anh tạo dựng chỗ ở mới. Giá trị tài sản chung anh Sáng được hưởng khi ly hôn là [(1.087.841.500đ-100.000.000đ) : 2)+ 100.000.000đ] = 593.920.750đ (Năm trăm chín mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Như vậy anh S có trách nhiệm giao lại chênh lệch chia tài sản cho chị Hảo là 250.482.850đ làm tròn 250.483.000đ (Hai trăm năm mươi triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Giá trị tài sản chung chị Nguyễn Thị H được hưởng khi ly hôn là

[(1.087.841.500đ-100.000.000đ) : 2]= 493.920.750đ làm tròn 493.921.000đ

(Bốn trăm chín mươi ba triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn đồng). Chị H được nhận chênh lệch giá trị tài sản chung từ anh Hoàng Cao Sáng là 250.483.000đ (Hai trăm năm mươi triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Về khoản nợ: Anh Hoàng Cao S và anh Lê Viết C , Tào Xuân T đều trình bày việc ánh S ứng tiền làm gỗ của anh T , anh Cường chị Nguyễn Thị H không biết. Quá trình anh S trả tiền cho anh T và anh Cường chị H cũng không biết và không tham gia. Việc anh S ứng tiền nhưng không làm gỗ cho anh C và anh T thì có trách nhiệm hoàn trả cho anh C và anh T vì khoản tiền anh S ứng không sử dụng vào mục đích chung gia đình. Ngày 18/6/2022 anh Sáng cũng đã trả đủ tiền cho anh T và anh C .

Ngày 08/7/2022 anh S và chị H mới bán đất là lập biên bản giao tiền tại UBND xã Điền Trung anh S đã cam kết quản lý khoản tiền chung bán đất nếu xảy ra tổn thất hay thiệt hại thì phải chịu trách nhiều trước pháp luật.

Như vậy HĐXX công nhận khoản tiền anh S ứng của anh Lê Viết C là 250.000.000đ và anh Tào Xuân T 270.000.000đ là khoản nợ riêng của anh Hoàng Cao S . Nay anh Lê Viết C và anh Tào Xuân T đã nhận đủ.

[4].*Về án phí:* Các đương sự thỏa thuận trước khi hòa giải và đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận nên không phải chịu án phí gồm: 03(Ba) con trâu, chị H 01 con trâu trị giá 15.000.000đ đã bán quản lý tiền. Anh S 02 con trâu trị giá 30.000.000đ anh Sáng đang quản lý và chăn nuôi.

Các đương sự phải chịu án phí có giá ngạch của giá trị tài sản được chia.

Cụ thể anh Hoàng Cao S được chia nhiều hơn chị Nguyễn Thị H 100.000.000đ nên phải chịu án phí có giá ngạch của giá trị tài sản được chia là

593.920.750đ và giá trị tài sản riêng tại phiên tòa các đương sự mới trình bày là 5000.000đ nên phải chịu án phí. Như vậy anh Hoàng Cao S phải chịu án phí có giá ngạch (593.920.750đ +5.000.000đ) = 598.920.750đ. Án phí là 20.000.000đ + 198.920.750đ x 4% =27.956. 830đ làm tròn 27.957. 000đ (Hai mươi bảy triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

-Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và án phí có giá ngạch của giá trị tài sản được hưởng là 493.920.750đ là 20.000.000đ + 93.920.750đ x 4% = 23.756.830đ làm tròn 23.757.000đ (Hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Tổng số tiền án phí chị Nguyễn Thị H phải chịu là 23.757.000đ + 300.000đ = 24.057.000đ (Hai mươi bốn triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã đóng là 27.850.000đ (Hai mươi bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị H là 3.793.000đ (Ba triệu bảy trăm chín mươi ba

nghìn đồng). Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008673 ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

Anh Hoàng Cao H được tạm giao 200.4m2 đất trị giá 6.012.000đ nên phải chịu án phí là 6.012.000đ x5% = 300.600đ làm tròn 301.000đ (Ba trăm linh một nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ: Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hảo. Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Hoàng Cao S .

-Về con chung: Đã thành niên.

3.Về tài sản:

3.1. HĐXX công nhận tài sản riêng của anh Hoàng Cao S là nhà ngang, giá trị sử dụng còn lại là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và thuộc quyền sở hữu của anh Sáng.

3.2. *Phân chia tài sản chung khi ly hôn*:

Chia cho anh Hoàng Cao S nhiều hơn chị H 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) để anh tạo dựng chỗ ở mới. Giá trị tài sản chung anh Hoàng Cao S được hưởng khi ly hôn là [(1.087.841.500đ-100.000.000đ) : 2)+ 100.000.000đ] = 593.920.750đ (Năm trăm chín mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Giá trị tài sản chung chị Nguyễn Thị H được hưởng khi ly hôn là

[(1.087.841.500đ-100.000.000đ) : 2]= 493.920.750đ (Bốn trăm chín mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

-Giao cho chị Nguyễn Thị H có quyền sở hữu các tài sản sinh hoạt là tài sản chung bằng hiện vật gồm:

+. 01 ti vi sony 55in mua năm 2019 giá trị còn lại 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng);

+. 02 loa thùng hiệu Audio HTOV mua năm 2019 giá trị còn lại 2.600.000đ (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng);

+. 01 kệ để ti vi gỗ mun mua năm 2019 giá trị còn lại 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng);

Giá trị tài sản sinh hoạt chị Nguyễn Thị H sở hữu bằng hiện vật là 9.400.000đ (Chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

+.Chị Nguyễn Thị H có quyền sở hữu 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền mặt chị đang quản lý.

Tạm giao cho chị Nguyễn Thị H có quyền sử dụng 542,9m2 trị giá 16.287.000đ (Mười sáu triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng) đất ở và có quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm:

-01 nhà cấp bốn (nhà ống), tường xây 220, mái hiên đổ bê tông, lợp ngói, nền lát gạch men, Diện tích sử dụng (8,7 x7,1)m = 61,77m2 nhà làm năm 1998, sát lại áo tường và lăn sơn lại năm 2017. Giá trị còn lại sau khi trừ khẩu hao là 98.800.000đ (Chín mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng);

-01bán bình phía Đông nhà chính (lợp pluximăng) kích thước (8,4 x7,1)m =59,64m2. Giá trị còn lại 10.900.000đ (Mười triệu chín trăm nghìn đồng);

-01 sân gạch đỏ trị giá còn lại 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng);

- Cổng sắt kích thước (3,3 x2,5)m = 8,25m2 trị giá còn lại 50% giá trị so với làm mới. Sau khi trừ khấu hao là 2.887.500đ (Hai triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Tường rào trên khuôn viên bao nhà chính đất dài 105m - 66,8m =38,2m

trị giá (129.000đ/m2: 2) x 38,2 m =2.463.900đ (Hai triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm đồng);

Toàn bộ công trình kiến trúc kiên cố chị Nguyễn Thị H có quyền sở hữu (Nhà chính, bán bình và sân gạch, cổng chính) tọa trên phần đất 542,9m2 (số liệu có thể chênh lệch khi chỉnh lý đo đạc- có sơ đồ kèm theo) có tứ cận như sau;

+.Hướng Bắc giáp đường dân sinh dài 17 m

+. Hướng Nam phía trước nhà chính giáp đường dân sinh dài 14,4m

+. Hướng Đông giáp phần đất tạm giao cho anh Hoàng Cao Hào dài 33,4m

+. Hướng Tây giáp phần đất của khu nhà ngang và các công trình khác dài 36,0m.

(Chị Nguyễn Thị Hảo có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng làm thủ tục cấp GCNQDSĐ và nộp thuế theo quy định).

+. Tường rào trên khuôn viên bao nhà chính đất dài 38,2m trị giá (129.000đ/m2 : 2) x 38,2 m =2.463.900đ (Hai triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm đồng);

Tổng giá trị tài sản, giá trị quyền sử dụng đất và tiền mặt chị H có quyền sở hữu là 243.437.900đ (Hai trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm đồng).

Chị Nguyễn Thị H được nhận chênh lệch giá trị tài sản chung từ anh Hoàng Cao S là 250.483.000đ (Hai trăm năm mươi triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng). Và nhận từ Hoàng Cao H 774.000đ (Bảy trăm bảy mươi tư nghìn đồng) giá trị 12m tường rào.

3.3. HĐXX tạm giao cho anh Hoàng Cao S có quyền sử dụng 586,5m2 đất ở trị giá 17.595.000đ (Mười bảy triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và sở hữu tài sản riêng là khu nhà ngang gồm:

-01 nhà ngang ngoảnh mặt hướng Đông, tường xây 220 lợp ngói diện tích sử dụng (5,15 x3,9)m =20,085m2 giá trị làm mới trừ khấu hao gía trị còn lại 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Anh Hoàng Cao Sáng có quyền sở hữu các tài sản chung bằng hiện vật gồm:

- 01 bếp tiếp giáp nhà ngang kích thước (2,8 x3,45)m =9,66m2 giá trị còn lại 870.000đ (Tám trăm bảy mươi nghìn đồng);

-01 nhà tắm tiếp giáp bếp xây tường 110, đổ bằng kích thước 1,8 x1,8) giá trị 3,24m2 giá trị còn lại 1.500.000đ (Một triệu trăm trăm ngìn đồng);

- Chuồng gà sau bếp kích thước (4,2 x2,6) m giá trị còn lại 740.000đ (Bảy trăm bốn mươi nghìn đồng);

- Chuồng trâu (phía sau nhà ngang) tường xây 220, mái lợp tôn kích thước 4,6 x7,15)m =32,89m2 giá trị còn lại là 12.290.000đ (Mười hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng);

-01 bộ máy làm mộc cũ giá sắt vụn là 3.000.000đ (Ba triệu đồng);

-02 cây gỗ lát trị giá 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm nghìn đồng); 05 cây gỗ xưa (5 năm tuổi không định giá gồm: 04 cây phía tây và 01 cây phía Nam).

-Tường rào bao quanh khu nhà ngang và chuồng trại dài 66,8m

66,8m x (129.000đ/m2 : 2) = 4.308.600đ (Bốn triệu ba trăm linh tám nghìn sáu trăm đồng).

Tòan bộ công trình nhà ngang, bếp, nhà tắm, khu chuồng trại toạ trên phần đất có diện tích 586,5m2 (số liệu có thể chênh lệch khi chỉnh lý đo đạc- có sơ đồ kèm theo) có tứ cận như sau;

+.Hướng Bắc giáp đường dân sinh dài 19,1m

+. Hướng Nam phía trước cổng chính giáp đường dân sinh dài 13,1m

+. Hướng Đông giáp phần đất nhà chính tọa lạc dài 36m,

+. Hướng Tây giáp đường dân sinh dài 39,2m.

(Anh Hoàng Cao S có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng làm thủ tục cấp GCNQDSĐ và nộp thuế theo quy định).

Giá trị tài sản chung anh Hoàng Cao S sở hữu bằng hiện vật là 26.808.600đ và giá trị quyền sử dụng đất là 17.595.000đ (Mười bảy triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) bằng 44.403.600đ (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm linh ba nghìn sáu trăm đồng) và anh Hoàng Cao S đang quản lý 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) tiền mặt. Tổng giá trị tài sản, quyền sử dụng đất và tiền mặt anh Hoàng Cao S có quyền sở hữu là 844.403.600đ (Tám trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm linh ba nghìn sáu trăm đồng).

Chia cho anh Hoàng Cao S giá trị tài sản chung nhiều hơn chị Nguyễn Thị H 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Anh Hoàng Cao Sáng được sở hữu tài sản chung là 593.920.750đ (Năm trăm chín mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Như vậy anh Hoàng Cao S có trách nhiệm giao lại giá trị chênh lệch chia tài sản cho chị Nguyễn Thị H là 250.482.850đ làm tròn 250.483.000đ (Hai trăm năm mươi triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng).

3.4. HĐXX tạm giao cho anh Hoàng Cao H quyền sử dụng 200,4m2 trị giá 6.012.000đ (Sáu triệu không trăm mười hai nghìn đồng) đất thuộc phía Đông khu nhà chính và có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng làm thủ tục cấp GCNQSDĐ và nộp thuế theo quy định.

Khu đất tạm giao cho anh Hoàng Cao H sử dụng 200,4m2 là phần không có tài sản kiên cố phía Đông khu nhà chính (số liệu có thể chênh lệch khi chỉnh lý đo đạc- có sơ đồ kèm theo) có Tứ cận như sau;

+.Hướng Bắc giáp đường dân sinh dài 6m,

+. Hướng Nam phía trước nhà chính giáp đường dân sinh dài 6m,

+. Hướng Đông giáp phần đất nhà anh Hà Văn Thủy dài 33,4m (6,7+26,7)m,

+. Hướng Tây giáp phần đất tạm giao cho chị Nguyễn Thị Hảo dài 33,4m

Tường rào trên khuôn viên đất dài 12m trị giá là:

(129.000đ/m2 : 2) x 12m =774.000đ (Bảy trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

Anh Hoàng Cao H có trách nhiệm giao chị chị Nguyễn Thị H 774.000đ (Bảy trăm bảy mươi tư nghìn đồng) giá trị 12 m tường bao quanh phía Bắc và phía Nam phần đất tạm giao cho anh Hoàng Cao H là giá trị tài sản chia cho chị H .

4. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

-HĐXX ghi nhận khoản tiền anh Hoàng Cao S nợ riêng đã trả xong gồm:

+.Anh Lê Viết C đã nhận đủ 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) từ anh Hoàng Cao Sáng vào ngày 18/6/2022.

+.Anh Tào Xuân T đã nhận đủ 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) từ anh Hoàng Cao S vào ngày 18/6/2022.

5. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ Điều 357 của BLDS

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

6. Về án phí: Cụ thể anh Hoàng Cao S được chia nhiều hơn chị Nguyễn Thị H 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nên phải chịu án phí có giá ngạch của giá trị tài sản được chia 593.920.750đ và giá trị tài sản riêng tại phiên tòa các đương sự mới trình bày là 5000.000đ. Như vậy anh Hoàng Cao S phải chịu án phí có giá ngạch của số tiền (593.920.750đ +5.000.000đ) = 598.920.750đ. Án phí là 20.000.000đ + (198.920.750đ x 4%) =27.956. 830đ làm tròn 27.957. 000đ (Hai mươi bảy triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

-Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và án phí có giá ngạch của giá trị tài sản được hưởng 493.920.750đ là 20.000.000đ + (93.920.750đ x 4%) = 23.756.830đ làm tròn 23.757.000đ (Hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Tổng số tiền án phí chị Nguyễn Thị H phải chịu là 23.757.000đ + 300.000đ = 24.057.000đ (Hai mươi bốn triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã đóng là 27.850.000đ (Hai mươi bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị H là 3.793.000đ (Ba triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng). Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008673 ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

Anh Hoàng Cao H được tạm giao 200.4m2 đất trị giá 6.012.000đ nên phải chịu án phí là 6.012.000đ x 5% = 300.600đ làm tròn 301.000đ (Ba trăm linh một nghìn

Án sơ thẩm có mặt chị Nguyễn Thị H và có mặt anh Hoàng Cao S , vắng mặt anh Hoàng Cao H , anh Lê Viết C và anh Tào Xuân T . Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Cao S có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Cao H , anh Lê Viết Cường và anh Tào Xuân T có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THA dân sự huyện Bá Thước
...
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Quyên